TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HSST
Ngày: 15-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt PH.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Chấn – Nguyên Giáo viên trường THCS Kim Sơn, huyện K.
2.Bà Phạm Thị Oanh - Nguyên Hiệu trưởng trường tiểu học Q, huyện K.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, TP. Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 15/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 16/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/HSST-QĐ ngày 29/02/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THU M** (tên gọi khác: Không), sinh năm 2002; nơi thường trú: Thôn C, xã S, huyện Y, tỉnh G; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M và bà Giáp Thị Thu H; chồng con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/8/2023, đến ngày 06/9/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **PHÙNG VĂN S** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1994; nơi thường trú: Xóm 7 – P, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phùng Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ, đã ly hôn năm 2022; có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/8/2023, đến ngày 06/9/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Bá T, sinh năm 1995; nơi thường trú: Thôn Vàng, xã B, huyện K, Hà Nội (vắng mặt).

+ Vũ Quang H, sinh năm 1978; nơi thường trú: R, xã Q, huyện K, Hà Nội (vắng mặt).

+ Nguyễn Thị Ngọc W, sinh năm 1999; nơi thường trú: An T, xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

+ Giáp Thị Thu H, sinh năm 1981; nơi thường trú: Thôn C, xã S, huyện Y, G (vắng mặt).

+ Đào Thị PH Anh, sinh ngày 25/4/2009; nơi thường trú: L, thị trấn T, huyện Q, Hà Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho PH Anh: Bà Lò Thị H, sinh năm 1989; nơi thường trú: L, thị trấn T, huyện Q, Hà Giang.

+ Nông Thị Lan N, sinh ngày 08/04/2007; nơi thường trú: T, xã T, huyện Y, G (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho Lan N: Ông Nông Đức W, sinh năm: 1975 và bà Chu Thị Ánh T, sinh năm 1982. Cùng thường trú: T, xã T, huyện Y, G (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Đào Thị PH Anh và Nông Thị Lan N: Ông Lê Quang Đạo – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị Thu M, Phùng Văn S và đối tượng tên Nguyễn Hồng S *(không rõ nhân thân)* quen biết nhau từ tháng 8/2023 cùng thỏa thuận thống nhất về việc môi giới mại dâm: M và S tìm được khách mua dâm sẽ báo cho S để điều gái bán dâm đi bán dâm cho khách. S sẽ nhận được 5.000.000 đồng/1 gái bán dâm *(số tiền này S sẽ chia cho gái bán dâm 3.000.000 đồng/1 người và S được hưởng 2.000.000 đồng/1 người)* và M sẽ nhận số tiền môi giới 1.000.000 đồng/1 gái bán dâm từ khách đặt cọc. Nếu S tìm khách mua dâm thì M và S sẽ chia tiền phần trăm cho S. Khoảng 15 giờ ngày 28/8/2023, Nguyễn Bá T sử dụng số điện thoại 0352238727 có tài khoản zalo *"Van Van"* nhắn tin cho M với nội dung cần 2 gái bán dâm để T và H mua dâm và nhờ M thuê phòng hộ thì M đồng ý. M thỏa thuận với T trước khi mua dâm, phải trả trước cho M 6.000.000 đồng/ người/1 lượt, trong đó: Tiền gái bán dâm 5.000.000 đồng/1 người/1 lượt, trả công môi giới 1.000.000 đồng/1 người/1 lượt cộng tiền thuê phòng là 1.500.000 đồng. T đồng ý. Sau đó, M sử dụng số điện thoại 0984805347 có tài khoản zalo *"Nguyễn Thị Thu M"* gọi cho S có tài khoản zalo *"Cậu ấm"* để bảo S điều 02 gái bán dâm đi bán dâm cho T và H nhưng S không nghe máy nên M gọi qua Zalo *"Nguyễn Hồng S"* đăng ký qua số điện thoại 0329214535 bảo S nói với S điều 02 gái bán dâm đi bán dâm cho khách. Khoảng 10 phút sau S gọi lại và gửi cho M qua Zalo hình ảnh 04 gái bán dâm trong đó có ảnh của Nông Thị Lan N và Đào Thị PH Anh để M chuyển cho T chọn. Sau khi T và H chọn 2 gái bán dâm là N và PH Anh thì M báo lại cho S. S bảo N và PH Anh đến căn hộ số 108A tòa S105 đi bán dâm cho khách thì PH Anh và N đồng ý. T sử dụng tài khoản số 00001360817 tên Nguyễn Bá T tại ngân hàng TPBank chuyển số tiền 3.500.000 đồng đến tài khoản số 0074792088888 mang tên NGUYEN THI S ngân hàng MBBank. Sau đó M

thuê căn hộ số 1812 tòa S202 Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, K, Hà Nội của chị Nguyễn Thị Ngọc W, sinh: 1999, HKTT: Thôn An T, L, T, Thái Bình do W thuê lại của anh Phạm Đăng J, sinh: 1986, HKTT: Tổ 8 phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội làm chủ căn hộ với giá 1.500.000 đồng. W nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho M nội quy sử dụng căn hộ và mật khẩu phòng, M chuyển lại cho T. M bảo N thu số tiền 10.000.0000 đồng của khách trước khi bán dâm và N sẽ chuyển lại số tiền trên cho S. Sau đó, S gọi taxi đưa N và PH Anh đến sảnh tòa S202 để bán dâm. Khi N và PH Anh đến sảnh tòa S202 thì Nguyễn Bá T xuống đón đưa lên căn hộ số 1812. N bảo T chuyển số tiền 10.000.0000 đồng mua dâm vào tài khoản 0898140555 của ngân hàng MBBank của Nguyễn Thị PH Thảo, sinh ngày 22/9/2005, HKTT: Thôn Riễu, R, thành phố G, tỉnh G. Khoảng 17 giờ ngày 28/8/2023, khi T và PH Anh, H và N đang ở trong căn hộ 1812 tòa S202 thì bị Cơ quan CSĐT – Công an huyện K kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Tại Cơ quan điều tra, các Nguyễn Thị Thu M và Phùng Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của Nguyễn Thị Thu M: 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh, số IMEI 1: 35159624450955; IMEI2: 351596244646057, đã qua sử dụng; thu giữ của Phùng Văn S: 01 Iphone 12 ProMax màu xanh, dung lượng 128GB, IMEI: 356717111114376, đã qua sử dụng; thu giữ của Đào Thị PH Anh: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu trắng bị nứt vỡ phía sau ốp lưng, không lắp sim bên trong, IMEI máy: 354851092752383, máy đã qua sử dụng; thu giữ của Nông Thị Lan N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax có số máy MLL83VN/A; số IMEI 1: 358275387582204; số IMEI 2: 3582753877871172; thu giữ của Nguyễn Bá T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, bên trong lắp sim số 0352238727.

Ngày 28/8/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện K đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Thu M tại Phòng 2706 tòa S202 O và nơi ở của Phùng Văn S tại Phòng 108A tòa S105 O cùng thuộc xã Đa Tốn, K, Hà Nội nhưng không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với Nguyễn Bá T và Vũ Quang H là người mua dâm. Khi T, H gặp N và PH Anh thấy tuổi còn nhỏ, không cũng cấp được căn cước công dân, nên không thực hiện hành vi quan hệ tình dục với 02 gái bán dâm. Vì vậy, cơ quan điều tra không đủ căn cứ để truy cứu trách Nệm hình sự về tội *"Mua dâm người dưới 18 tuổi"* theo Điều 329 BLHS. Ngày 20/12/2023, Công an huyện K ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Mua dâm"* đối với T, H theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Đối với hành vi của Nông Thị Lan N và Đào Thị PH Anh chưa quan hệ tình dục với T và H, nên chưa cấu thành hành vi bán dâm, do đó không đủ căn cứ xử lý về hành vi bán dâm.

Đối với anh Phạm Đăng J là chủ căn hộ số 1812 tòa S202 cho chị Nguyễn Thị Ngọc W thuê. Chị W và anh J không biết M sử dụng căn hộ trên để thực hiện hành vi môi giới mại dâm, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý hình sự đối với J và W.

Đối với người tên Nguyễn Hồng S sử dụng số điện thoại 0329214535 đăng ký tên Zalo *"Nguyễn Hồng S"* liên lạc với M và S để S điều N và PH đi bán dâm cho khách. Hiện nay chưa xác định nhân thân, chưa có kết quả trả lời của Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông S đội Viettel. Ngày 22/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện K ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 02 để tiếp tục điều tra, xác minh.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng Nguyễn Bá T chuyển cho Nguyễn Thị Thu M. M đã chuyển 1.500.000 đồng cho Nguyễn Thị Ngọc W để thuê phòng còn 2.000.000 đồng đã chi tiêu cá nhân. Quá trình điều tra: W đã tự nguyện nguyện nộp lại số tiền 1.500.000 đồng; bà Giáp Thị Thu H *(mẹ Nguyễn Thị Thu M)* đã tự nguyện nộp thay cho M số tiền 2.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng T chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị PH Thảo để trả tiền mua bán dâm, chị Thảo đã chuyển lại cho Nông Thị Lan N và N đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Chị Thảo không biết đó là tiền mua bán dâm, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị Thảo.

Đối với các vật chứng: 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh thu giữ của Nguyễn Thị Thu M; 01 Iphone 12 ProMax màu xanh, dung lượng 128GB thu giữ bị can của Phùng Văn S và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, bên trong lắp sim số 0352238727 thu giữ của Nguyễn Bá T Cơ quan điều tra chuyển Chi cục thi hành án để xử lý theo quy định của pháp luật

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu trắng thu giữ của Đào Thị PH Anh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax thu giữ của Nông Thị Lan N không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 21/12/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện K đã trả các điện thoại trên cho N và PH Anh.

Bản cáo trạng số: 10/CT-VKSGL ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu M và Phùng Văn S về tội *"Môi giới mại dâm"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá chứng cứ, phân tích tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu M và bị cáo Phùng Văn S mỗi bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh, số IMEI 1: 351596244509552, đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Thu M);

+ 01 Iphone 12 ProMax màu xanh, IMEI: 356717111114376, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0348613783 (thu giữ của Phùng Văn S)

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, IMEI: 353308078221942, bên trong lắp sim số 0986196805 (Thu giữ của Nguyễn Bá T)

+ Số tiền: 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)

- Buộc Nông Thị Lan N phải nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng

Tại phiên tòa các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị Thu M và Phùng Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các đối tượng trực tiếp mua bán dâm là Nguyễn Bá T, Vũ Quang H, Đào Thị PH Anh, Nông Thị Lan N; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đầy đủ cơ sở để xác định: Khoảng 16 giờ ngày 28/8/2023, tại khu đô thị Vinhomes Ocean Park thuộc xã Đa Tốn, K, Hà Nội, bị cáo Nguyễn Thị Thu M đã có hành vi môi giới mại dâm, trực tiếp liện hệ với Phùng Văn S để S đưa Đào Thị PH Anh, sinh ngày 25/4/2009 *(tính đến ngày phạm tội 14 tuổi 4 tháng 3 ngày)* và Nông Thị Lan N, sinh ngày: 08/04/2007 *(tính đến ngày phạm tội được 16 tuổi 4 tháng 20 ngày)* đi bán dâm cho Nguyễn Bá T và Vũ Quang H tại căn hộ 1812 tòa S202 với giá thỏa thuận là 6.000.000 đồng/ người/1 lượt cộng với tiền thuê phòng là 1.500.000 đồng *(theo thỏa thuận M được hưởng 1.000.000 đồng/ người/ 1 lượt; S được hưởng 2.000.000 đồng/ người/ 1 lượt và 3.000.000 đồng/ người/ 1 lượt trả cho đối tượng bán dâm)*. Toàn bộ số tiền mua dâm và tiền thuê phòng T đã chuyển cho bị cáo M và Lan N. Khi T, PH Anh, H và N đang trong phòng chuẩn bị mua bán dâm thì bị Công an huyện K, thành phố Hà Nội phát hiện bắt quả tang. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Thu M và Phùng Văn S đã phạm vào tội *"Môi giới mại dâm"* được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

Liên quan trong vụ án này có: Nguyễn Bá T và Vũ Quang H là người mua dâm. Khi T, H gặp Nông Thị Lan N và Đào Thị PH Anh thấy tuổi còn nhỏ, không cũng cấp được căn cước công dân, nên T và H không thực hiện hành vi quan hệ tình dục với 02 gái bán dâm; Lan N và PH Anh là hai gái bán dâm, chưa quan hệ tình dục với T và H; Phạm Đăng J là chủ căn hộ số 1812 tòa S202 cho chị Nguyễn Thị Ngọc W thuê, anh J và chị W không biết M sử dụng căn hộ trên để thực hiện

hành vi môi giới mại dâm. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện K không xử lý hình sự đối với những người này là có căn cứ.

Đối với người tên Nguyễn Hồng S sử dụng số điện thoại 0329214535 đăng ký tên Zalo *"Nguyễn Hồng S"* liên lạc với M và S để S điều N và PH đi bán dâm cho khách, chưa xác định đươc nhân thân. Ngày 22/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện K ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 02 để tiếp tục điều tra, xác minh là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội và nếp sống văn minh, gây mất trật tự trị an - xã hội tại địa pH, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và bị xã hội lên án... Đảng và nhà nước ta đã có Nều chủ trương, chính sách nhằm ngăn chặn tệ nạn này, tuy Nên tệ nạn này không những không giảm mà còn có chiều hướng gia tăng. Bởi vậy, cần thiết phải đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét nhân thân: Các bị cáo là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo M có ông Ngoại là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Bằng Khen; bị cáo S có ông Nội là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân cH kháng chiến hạng 2, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo các bị cáo trở thành người tốt, người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là những thanh niên mới lớn, chưa có việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 328 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

+ Số tiền 3.500.000 đồng Nguyễn Bá T chuyển cho Nguyễn Thị Thu M. M chuyển cho Nguyễn Thị Ngọc W 1.500.000 đồng *(W đã nộp lại)*; số tiền còn lại là 2.000.000 đồng M tiêu xài cá nhân hết *(mẹ bị cáo M là bà Giáp Thị Thu H đã tự nguyện nộp thay cho M số tiền này)*, đây là số tiền thu lời bất chính cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Số tiền mua dâm là 10.000.000 đồng Nông Thị Lan N nhận từ người mua dâm, N đã tiêu xài cá nhân hết, đây là tiền thu lời bất chính, cần buộc N phải nộp lại số tiền này để sung ngân sách nhà nước.

+ 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh thu giữ của Nguyễn Thị Thu M; 01 Iphone 12 ProMax màu xanh, dung lượng 128GB thu giữ bị can của Phùng Văn S và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, bên trong lắp sim số 0352238727 thu giữ của Nguyễn Bá T đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Các vấn đề khác: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu M và Phùng Văn S phạm tội *"Môi giới mại dâm".*

- *Về hình phạt, áp dụng:* Điểm a khoản 3 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu M 07 *(Bảy)* năm 09 *(chín)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2023.

+ Xử phạt: Bị cáo Phùng Văn S 07 *(Bảy)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2023.

- *Về vật chứng, áp dụng:* Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.500.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu xanh thu giữ của Nguyễn Thị Thu M; 01 Iphone 12 ProMax màu xanh, dung lượng 128GB thu giữ bị can của Phùng Văn S và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, bên trong lắp sim số 0352238727 thu giữ của Nguyễn Bá T.

Tình trạng vật chứng nêu trên như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 31/01/2024 (biên lai thu tiền số 0003834 ngày 31/01/2024).

+ Buộc Nông Thị Lan N phải nộp số tiền 10.000.000đ *(mười triệu đồng)* để sung ngân sách nhà nước.

- Về án phí, áp dụng: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*. Các bị cáo Nguyễn Thị Thu M và bị cáo Phùng Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo, áp dụng:* Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *TT lý lịch tư pháp TW-Bộ Tư pháp;*
- *VKSND huyện K;*
- *Công an huyện K;*
- *Chi cục THADS huyện K;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA, văn phòng.

Lê Việt PH

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Việt PH